

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ
PHÚ NHUẬN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên
Ông Andy Ho	Thành viên
Ông Phạm Quốc Công	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)

Ban Giám đốc

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thầy đặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 8 năm 2015

10-6
HÀ
G T
ÊN
JIT
T M
P W

Số: *M5* /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

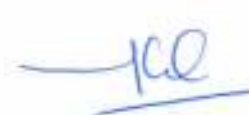
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác soát xét và kiểm toán. Báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2015 và Báo cáo kết quả soát xét ngày 25 tháng 8 năm 2014 đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần.




Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 21 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.374.913.837.753	1.803.181.850.800
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.881.697.936	35.139.719.411
1. Tiền	111		23.881.697.936	35.139.719.411
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	65.000.000	65.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.000.000	65.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.692.979.785	76.957.255.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	32.344.170.885	45.069.065.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		28.894.575.045	16.213.997.161
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	23.185.629.058	22.524.963.387
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(7.752.218.659)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	1.268.604.797	901.448.285
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.243.620.780.478	1.655.596.302.559
1. Hàng tồn kho	141		2.243.620.780.478	1.655.596.302.559
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.653.379.554	35.423.573.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18	17.283.507.535	27.110.751.151
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.659.558.376
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	4.369.872.019	4.653.263.806
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		918.429.126.501	1.010.005.918.044
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.269.648.454	13.014.032.750
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	19.269.648.454	13.014.032.750
II. Tài sản cố định	220		462.355.976.544	451.461.210.704
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	171.892.336.550	160.211.532.448
- Nguyên giá	222		289.009.192.348	263.929.102.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.116.855.798)	(103.717.569.903)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	290.463.639.994	291.249.678.256
- Nguyên giá	228		293.121.956.571	293.121.956.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.658.316.577)	(1.872.278.315)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.599.611.270	739.090.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	10.599.611.270	739.090.200
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	400.848.260.537	531.735.510.537
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	91.866.300.000	91.866.300.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	460.651.988.400	460.651.988.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(171.670.027.863)	(40.782.777.863)
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.355.629.696	13.056.073.853
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	23.958.834.802	12.134.611.001
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	1.396.794.894	921.462.852
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.293.342.964.254	2.813.187.768.844


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015		31/12/2014	
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.044.637.093.874		1.546.477.098.360	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.852.799.564.774		1.408.892.716.260	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	151.911.751.001		141.440.940.445	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		72.156.269.012		10.577.252.253	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	27.542.508.884		45.248.221.899	
4. Phải trả người lao động	314		20.675.970.710		26.969.847.063	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.850.132.638		4.188.467.510	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	108.227.387.696		41.515.425.628	
7. Vay ngắn hạn	320	22	1.444.061.288.072		1.131.686.128.041	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.374.256.761		7.266.433.421	
II. Nợ dài hạn	330		191.837.529.100		137.584.382.100	
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	3.295.029.100		455.382.100	
2. Vay dài hạn	338	23	188.542.500.000		137.129.000.000	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.248.705.870.380		1.266.710.670.484	
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.248.705.870.380		1.266.710.670.484	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		755.970.350.000		755.970.350.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		755.970.350.000		755.970.350.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		105.021.650.000		105.021.650.000	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(7.090.000)		(7.090.000)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		265.805.050.783		232.805.050.783	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		121.915.909.597		172.920.709.701	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.058.300.901		48.717.463.219	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		110.857.608.696		124.203.246.482	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.293.342.964.254		2.813.187.768.844	


Nguyễn Thành Đạt
Người lập biểu


Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 02a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	3.846.456.981.660	3.614.026.046.101
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	13.580.767.891	4.793.806.728
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	3.832.876.213.769	3.609.232.239.373
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	3.292.863.287.654	3.226.869.125.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		540.012.926.115	382.363.113.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	10.407.759.944	11.879.099.477
7. Chi phí tài chính	22	30	172.438.939.426	50.111.768.347
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.777.505.139	36.059.176.130
8. Chi phí bán hàng	25	31	184.928.450.264	139.854.591.880
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	49.064.297.677	47.931.474.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		143.988.998.692	156.344.377.991
11. Thu nhập khác	31		810.678.183	721.783.770
12. Chi phí khác	32		3.835.004.610	722.291.928
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(3.024.326.427)	(508.158)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		140.964.672.265	156.343.869.833
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	30.582.395.611	32.490.433.141
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	19	(475.332.042)	(349.809.790)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		110.857.608.696	124.203.246.482


 Nguyễn Thành Đạt
 Người lập biểu


 Đặng Thị Lài
 Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc
 Ngày 21 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	140.964.672.265	156.343.869.833
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.524.205.793	9.390.999.385
- Các khoản dự phòng	03	130.887.250.000	9.823.210.310
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.052.684.494)	(8.941.866.497)
- Chi phí lãi vay	06	36.777.505.139	36.059.176.130
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	313.100.948.703	202.675.389.161
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	11.733.258.304	(1.202.887.769)
- Tăng hàng tồn kho	10	(588.024.477.919)	(168.556.989.479)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	45.982.627.360	(16.900.207.782)
- Tăng chi phí trả trước	12	(1.996.980.185)	(2.625.442.043)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(35.453.096.521)	(32.378.122.191)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(47.771.895.759)	(45.501.519.643)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.734.973.364)	(12.898.879.231)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(328.164.589.381)	(77.388.658.977)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(28.257.814.789)	(15.679.826.205)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	154.545.455	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.684.494	11.665.344.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.050.584.840)	3.485.518.137
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.517.148.924.984	1.808.333.133.921
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.153.360.264.953)	(1.578.862.269.311)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(18.831.507.285)	(151.192.652.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	344.957.152.746	78.278.212.610
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(11.258.021.475)	4.375.071.770
Tiền đầu kỳ	60	35.139.719.411	38.116.455.254
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	23.881.697.936	42.491.527.024

Nguyễn Thành Đạt
Người lập biểu

Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 3.061 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.494 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi tám (178) cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các công ty con, công ty liên kết của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO- Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ- Công ty con
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á- Công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 97 chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận tại Thành phố Huế
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Vĩnh Long
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Nha Trang
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu trên bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này (xem thuyết minh 38).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

500
NH
V
H
O
T
T
M
P. 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con, công ty liên kết và công ty mà Công ty đầu tư dài hạn khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích phục vụ cho việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

08/12
CHI
CỔ
TÁCH
DE
VI
VI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	19.032.125.318	28.757.507.093
Tiền gửi ngân hàng	3.700.201.618	4.660.869.318
Tiền đang chuyển	1.149.371.000	1.721.343.000
	23.881.697.936	35.139.719.411

Khoản trong đương tiền là vàng, nữ trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 234.599.264.879 đồng được phân loại lại sang khoản mục hàng tồn kho cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014-TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000	-	65.000.000	65.000.000	-	65.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	65.000.000	-	65.000.000	65.000.000	-	65.000.000
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNC	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	91.866.300.000	(30.473.664.463)	61.392.635.537	91.866.300.000	(30.473.664.463)	61.392.635.537
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Á	91.866.300.000	(30.473.664.463)	61.392.635.537	91.866.300.000	(30.473.664.463)	61.392.635.537
- Đầu tư vào đơn vị khác	460.651.988.400	(141.196.363.400)	319.455.625.000	460.651.988.400	(10.309.113.400)	450.342.875.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("ĐAB")	393.271.613.400	(141.196.363.400)	252.075.250.000	393.271.613.400	(10.309.113.400)	382.962.500.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn MIBC	65.380.375.000	-	65.380.375.000	65.380.375.000	-	65.380.375.000
	572.283.288.400	(171.670.027.863)	400.613.260.537	572.283.288.400	(40.782.777.863)	531.500.510.537

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ (xem Thuyết minh 36).

(*) Vào ngày 14 tháng 8 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định đưa vào diện kiểm soát đặc biệt đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á, tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư vào ngân hàng này đầy đủ và phù hợp với các qui định kế toán hiện hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	40.096.389.544	44.496.565.694
- Cty TNHH ToTal Gaz Vietnam	13.274.137.702	13.274.137.702
- FH Trautz GmBh	4.984.961.803	4.084.326.480
- Các khoản phải thu khách hàng khác	21.837.290.039	27.138.101.512
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan	-	572.499.629
- Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	-	572.499.629
	40.096.389.544	45.069.065.323

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng cho nhân viên	1.287.542.096	644.633.055
- Phải thu khác	14.145.868.303	21.880.330.332
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.979.800.000</i>
<i>Khác</i>	<i>10.145.868.303</i>	<i>16.900.530.332</i>
	<u>15.433.410.399</u>	<u>22.524.963.387</u>
b. Dài hạn		
- Ký quỹ dài hạn thuê cửa hàng	<u>19.269.648.454</u>	<u>13.014.032.750</u>

9. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	30/6/2015		31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Vàng (chỉ)	289,78	901.789.000	149,99	499.999.998
- Tài sản khác		366.815.797		401.448.287
	<u>289,78</u>	<u>1.268.604.797</u>	<u>149,99</u>	<u>901.448.285</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	12.272.580.928	608.973.823
Nguyên vật liệu	91.347.582.658	100.733.744.306
Công cụ, dụng cụ	20.599.158.139	19.832.568.407
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	113.048.056.448	147.200.324.226
Thành phẩm	151.462.754.017	129.280.128.300
Hàng hóa	1.811.885.425.817	1.219.465.105.121
Hàng gửi đi bán	43.005.222.471	38.475.458.376
	<u>2.243.620.780.478</u>	<u>1.655.596.302.559</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị là 964.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 570.000.000.000 đồng) đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	4.525.720.813	(30.691.800.993)	30.467.866.830	4.301.786.650
Thuế xuất nhập khẩu	53.542.993	(3.673.461.157)	3.675.565.783	55.647.619
Thuế khác	74.000.000	(2.908.094.965)	2.846.532.715	12.437.750
	4.653.263.806	(37.273.357.115)	36.989.965.328	4.369.872.019
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng trực tiếp	12.606.905.829	52.689.795.649	(53.292.850.597)	12.003.850.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.887.913.338	30.537.728.487	(47.771.895.759)	14.653.746.066
Thuế thu nhập cá nhân	645.896.896	5.633.245.890	(5.547.306.994)	731.835.792
Thuế khác	107.505.836	3.266.221.329	(3.220.651.020)	153.076.145
	45.248.221.899	92.126.991.355	(109.832.704.370)	27.542.508.884

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	120.558.292.982	116.606.709.230	11.093.892.423	15.670.207.716	263.929.102.351
Tăng trong năm	-	6.597.724.348	3.669.331.000	15.151.916.285	25.418.971.633
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(338.881.636)	-	(338.881.636)
Tại ngày 30/6/2015	<u>120.558.292.982</u>	<u>123.204.433.578</u>	<u>14.424.341.787</u>	<u>30.822.124.001</u>	<u>289.009.192.348</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	16.298.558.314	69.212.941.423	6.375.012.790	11.831.057.376	103.717.569.903
Khấu hao trong kỳ	2.636.958.162	7.317.578.871	471.212.029	3.312.418.469	13.738.167.531
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(338.881.636)	-	(338.881.636)
Tại ngày 30/6/2015	<u>18.935.516.476</u>	<u>76.530.520.294</u>	<u>6.507.343.183</u>	<u>15.143.475.845</u>	<u>117.116.855.798</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	<u>101.622.776.506</u>	<u>46.673.913.284</u>	<u>7.916.998.604</u>	<u>15.678.648.156</u>	<u>171.892.336.550</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>104.259.734.668</u>	<u>47.393.767.807</u>	<u>4.718.879.633</u>	<u>3.839.150.340</u>	<u>160.211.532.448</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 48.310.499.070 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 45.600.215.654 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	285.183.268.988	7.938.687.583	293.121.956.571
Tại ngày 30/6/2015	285.183.268.988	7.938.687.583	293.121.956.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	1.872.278.315	1.872.278.315
Khấu hao trong kỳ	-	786.038.262	786.038.262
Tại ngày 30/6/2015	-	2.658.316.577	2.658.316.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	<u>285.183.268.988</u>	<u>5.280.371.006</u>	<u>290.463.639.994</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>285.183.268.988</u>	<u>6.066.409.268</u>	<u>291.249.678.256</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23, giá trị quyền sử dụng đất được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 ở các ngân hàng thương mại là 106.543.452.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 106.543.452.000 đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Quyền sử dụng đất	9.860.521.070	-
Chi phí xây dựng cửa hàng	739.090.200	739.090.200
	<u>10.599.611.270</u>	<u>739.090.200</u>

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần số hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	TP Hồ Chí Minh	100	100	10.000.000.000	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thời trang
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	TP Hồ Chí Minh	100	100	10.000.000.000	Cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn vàng, bạc, đá quý

Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO ("CFC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0309279212 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 170E Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ ("PLC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký kinh doanh tọa lạc tại số 205 Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	TP Hồ chí Minh	30,62	30,62	91.866.300.000	Cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á ("DAL") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001739 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2003. DAL có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 43R/12 Đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DAL là cung cấp dịch vụ, thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý bất động sản, kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("DAB")	395.271.613.400	395.271.613.400
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	65.380.375.000	65.380.375.000
	460.651.988.400	460.651.988.400

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("DAB") (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	7,69%	7,69%	395.271.613.400	Hoạt động kinh doanh liên quan đến hoạt động tài chính, ngân hàng
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	Thành phố Hồ Chí Minh	5%	5%	65.380.375.000	Hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ liên quan đến bất động sản

(*) Cổ phiếu DAB được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (Thuyết minh số 22).

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí thuê cửa hàng	5.438.513.901	3.361.387.270
- Chi phí công cụ và dụng cụ	8.325.723.609	15.041.864.775
- Chi phí sửa chữa, khác	3.519.270.025	8.707.499.106
	17.283.507.535	27.110.751.151
b. Dài hạn		
- Chi phí thuê cửa hàng	6.510.232.093	3.198.215.073
- Chi phí công cụ và dụng cụ	12.996.630.684	4.039.577.270
- Chi phí sửa chữa, khác	4.451.972.025	4.896.818.658
	23.958.834.802	12.134.611.001

SỔ QUẢN LÝ
NHÀ MÃ
NG TÀI
HỆNH HỮU
OIT
T NAI
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và các năm trước.

	Chi phí phải trả và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND
Tại ngày 01/01/2014	701.850.324
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	219.612.528
Tại ngày 31/12/2014	921.462.852
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	475.332.042
Tại ngày 30/6/2015	1.396.794.894

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH Forte				
Jewellery (HK)	17.730.413.030	17.730.413.030	18.437.084.070	18.437.084.070
Khác	134.181.337.971	134.181.337.971	123.003.856.375	123.003.856.375
	151.911.751.001	151.911.751.001	141.440.940.445	141.440.940.445

b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 36)

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Ngắn hạn	108.227.387.696	41.515.425.628
- Tài sản thừa chờ giải quyết	48.941.383	-
- Kinh phí công đoàn	3.492.709.205	4.836.644.804
- Bảo hiểm y tế	152.888.932	198.471.280
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.538.841	272.373.838
- Phải trả quỹ Hội đồng Quản trị	1.522.479.644	804.402.000
- Phải trả quỹ Ban Giám đốc	6.169.120.092	6.653.120.092
- Phải trả quỹ công đoàn	4.585.612.656	4.276.739.004
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	79.462.545.055	18.824.540
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.781.551.888	24.454.850.070
Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	8.030.000.000	15.030.000.000
b) Dài hạn	3.295.029.100	455.382.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.295.029.100	455.382.100
	119.552.416.796	41.970.807.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÀU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2014		Trong kỳ		30/6/2015	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	208.300.000.000	208.300.000.000	167.000.000.000	(253.300.000.000)	122.000.000.000	122.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	138.453.326.647	138.453.326.647	25.834.353	(74.307.174.649)	64.171.986.351	64.171.986.351
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	122.893.085.681	122.893.085.681	371.920.777.199	(291.637.843.433)	203.176.019.447	203.176.019.447
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	90.000.000.000	90.000.000.000	110.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolimex	70.000.000.000	70.000.000.000	400.000.000.000	(270.000.000.000)	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	63.000.000.000	63.000.000.000	108.000.000.000	(63.000.000.000)	108.000.000.000	108.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	20.393.013.713	20.393.013.713	81.515.425.375	(20.393.013.713)	81.515.425.375	81.515.425.375
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	15.900.000.000	15.900.000.000	235.780.000.000	(202.280.000.000)	49.400.000.000	49.400.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng	15.385.000.000	15.385.000.000	-	(15.385.000.000)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế	-	-	8.819.878.899	-	8.819.878.899	8.819.878.899
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng ANZ - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	104.219.000.000	(19.428.000.000)	84.791.000.000	84.791.000.000
Các cá nhân	317.316.702.000	317.316.702.000	342.882.959.287	(509.526.683.287)	150.672.978.000	150.672.978.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	10.045.000.000	10.045.000.000	7.226.000.000	(5.757.000.000)	11.514.000.000	11.514.000.000
	1.131.686.128.041	1.131.686.128.041	2.037.389.875.113	(1.725.014.715.082)	1.444.061.288.072	1.444.061.288.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với lãi suất thả nổi để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	30/6/2015 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu- Sở giao dịch	122.000.000.000	Từ ngày 08 tháng 8 năm 2015 đến ngày 20 tháng 08 năm 2015	6	Cổ phiếu của DAB (*) Bất động sản (**)
-Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á- Chi nhánh Hồ Chí Minh	200.000.000.000	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2015 đến ngày 29 tháng 9 năm 2015	6	Tin chấp
-Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh	203.176.019.447	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 đến ngày 29 tháng 9 năm 2015	2,8 - 5,7	Tin chấp
-Ngân hàng thương mại Cổ phần xăng dầu Petrolimex	200.000.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	6	Tin chấp
-Ngân hàng ANZ - Chi nhánh Hồ Chí Minh	84.791.000.000	Từ ngày 08 tháng 7 năm 2015 đến ngày 18 tháng 9 năm 2015	5,2	Hàng tồn kho
-Ngân hàng TNHH CTBC- Chi nhánh Hồ Chí Minh	108.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2015 đến ngày 14 tháng 11 năm 2015	5,6	Tin chấp
-Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh	60.000.000.000	Từ ngày 05 tháng 8 năm 2015 đến ngày 06 tháng 08 năm 2015	5,2	Tin chấp
-Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.400.000.000	Từ ngày 19 tháng 7 năm 2015 đến ngày 25 tháng 07 năm 2015	6	Hàng tồn kho
-Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	81.515.425.375	Từ ngày 05 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 8 năm 2015	5	Tin chấp
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	100.000.000.000	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2015 đến ngày 18 tháng 8 năm 2015	6	Tin chấp
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế	8.819.878.899	Từ ngày 02 tháng 10 năm 2015 đến ngày 18 tháng 10 năm 2015	4,5	Tin chấp
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	64.171.986.351	Từ Ngày 14 tháng 4 năm 2015 đến 17 tháng 09 năm 2015	2,8	Hàng tồn kho
Vay cá nhân	150.672.978.000		3	Tin chấp
Vay dài hạn đến hạn trả	11.514.000.000			
	<u>1.444.061.288.072</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

(*) Công ty thế chấp 30.000.000 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

(**) Công ty thế chấp Bất động sản tại số 16, 18 - 20 và 24/2 đường Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. VAY DÀI HẠN

	31/12/2014		Trong kỳ		30/6/2015	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khi nung tư nợ	Tổng	Gán	Giá trị	Số có khi nung tư nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	78.128.000.000	78.128.000.000	-	(78.128.000.000)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	59.001.000.000	59.001.000.000	157.774.000.000	(165.000.000.000)	51.775.000.000	51.775.000.000
Các cá nhân	-	-	129.211.049.871	(192.443.549.871)	136.767.500.000	136.767.500.000
	<u>137.129.000.000</u>	<u>137.129.000.000</u>	<u>486.985.049.871</u>	<u>(435.571.549.871)</u>	<u>188.542.500.000</u>	<u>188.542.500.000</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn còn số dư chi tiết như sau:

	30/6/2015	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo
NH Thương mại Cổ phần Á Châu	51.775.000.000	8,8%-9%	2020	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 16;18;20 và 24/2 Đường Thủ Khoa Huân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Vay cá nhân	<u>136.767.500.000</u>	3%-5%	2017	Tin chấp
	<u>188.542.500.000</u>			

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	11.514.000.000	10.045.000.000
Trong năm thứ hai	141.029.665.647	78.128.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	34.542.000.000	59.001.000.000
Sau năm năm	12.945.000.000	-
	<u>200.030.665.647</u>	<u>147.174.000.000</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 22)	11.514.000.000	10.045.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>188.516.665.647</u>	<u>137.129.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU B 09a-DN**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2014	755.970.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	183.705.050.783	229.426.913.602	1.274.116.874.385
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	256.701.330.299	256.701.330.299
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(241.907.534.200)	(241.907.534.200)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	49.100.000.000	(49.100.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(22.200.000.000)	(22.200.000.000)
Tại ngày 01/01/2015	<u>755.970.350.000</u>	<u>105.021.650.000</u>	<u>(7.090.000)</u>	<u>232.805.050.783</u>	<u>172.920.709.701</u>	<u>1.266.710.670.484</u>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	110.857.608.696	110.857.608.696
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(98.275.227.800)	(98.275.227.800)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	33.000.000.000	(33.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(30.587.181.000)	(30.587.181.000)
Tại ngày 30/6/2015	<u>755.970.350.000</u>	<u>105.021.650.000</u>	<u>(7.090.000)</u>	<u>265.805.050.783</u>	<u>121.915.909.597</u>	<u>1.248.705.870.380</u>

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 544/2015/NQ-DHDCD- CTY ngày 15 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty công bố chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 với số tiền là 188.990.819.000 đồng, bao gồm 90.714.882.200 đồng đã tạm ứng trong năm 2014, 75.596.330.000 đồng chi trả bằng cổ phiếu thưởng và 22.688.897.800 chi trả bằng tiền mặt. Trong kỳ, Công ty đã trả cổ tức với số tiền mặt là 18.831.507.285 đồng.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 544/2015/NQ-DHDCD- CTY ngày 15 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty công bố phân phối lợi nhuận năm 2014 để trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác với số tiền lần lượt là 33.000.000.000 đồng; 35.587.181.000 đồng và 5.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty thông qua phương án phát hành thêm 22.677.542 cổ phiếu, trong đó 7.559.633 cổ phần tương ứng 75.596.330.000 đồng để trả cổ tức năm 2014 và 15.119.265 cổ phần tương ứng 151.192.650.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục tăng vốn chủ sở hữu. Việc tăng vốn đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận theo quyết định số 288/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 7 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 06 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cổ phần – Cổ phần phổ thông

	30/6/2015	31/12/2014
	Số cổ phần	Số cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phần phổ thông</i>	75.597.035 75.597.035	75.597.035 75.597.035
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phần phổ thông</i>	(709) (709)	(709) (709)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phần phổ thông</i>	75.596.326 75.596.326	75.596.326 75.596.326

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn góp của chủ sở hữu và vốn đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn góp của chủ sở hữu đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Cao Thị Ngọc Dung	19.156.000.000	2,53%	19.156.000.000	19.156.000.000
Công ty CP XNK Vật tư Kỹ thuật	4.319.400.000	0,57%	4.319.400.000	4.319.400.000
Nguyễn Thị Cúc	2.000.000.000	0,26%	2.000.000.000	2.000.000.000
Nguyễn Thị Ngọc	6.542.200.000	0,87%	6.542.200.000	6.542.200.000
Nguyễn Vũ Phan	2.000.000.000	0,27%	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ đông khác	721.952.750.000	95,50%	721.952.750.000	721.952.750.000
Tổng cộng	755.970.350.000	100%	755.970.350.000	755.970.350.000

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

Ngoại tệ	Đơn vị	30/6/2015	31/12/2014
- Đô la Mỹ	USD	16.929,92	8.382,00
- Đô la Úc	AUD	10,57	30.006,00
- Đô la Sing	SGD	174,30	-

Hàng hóa nhận cầm cố, thế chấp

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận đang nhận cầm cố, thế chấp các sản phẩm trang sức vàng và đá quý có giá trị tại 30 tháng 6 năm 2015 là 3.068.600.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.554.300.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 06 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán vàng và bạc	3.890.562.976.604	3.641.444.137.127
Doanh thu bán phụ kiện	9.388.936.803	6.803.749.332
Dịch vụ cung cấp dịch vụ	4.289.594.699	4.148.099.308
	<u>3.904.241.508.106</u>	<u>3.652.395.985.767</u>
Hàng bán bị trả lại	(13.580.767.891)	(4.793.806.728)
Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp	(57.784.526.446)	(38.369.939.666)
	<u>3.832.876.213.769</u>	<u>3.609.232.239.373</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn bán vàng, bạc và cung cấp dịch vụ	3.286.403.942.378	3.222.014.237.783
Giá vốn bán phụ kiện	6.459.345.276	4.854.888.034
	<u>3.292.863.287.654</u>	<u>3.226.869.125.817</u>

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.192.466.468.108	3.226.869.125.817
Chi phí nhân công	175.032.278.679	89.476.103.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.524.205.793	15.970.169.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.272.088.591	9.390.999.385
Chi phí bằng tiền khác	93.560.994.424	72.948.794.253
	<u>3.526.856.035.595</u>	<u>3.414.655.192.512</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Cổ tức nhận được	10.000.000.000	11.592.320.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	353.321.629	212.986.157
Lãi tiền gửi	52.684.494	73.023.542
Khác	1.753.821	768.978
	<u>10.407.759.944</u>	<u>11.879.099.477</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền vay	36.777.505.139	36.059.176.130
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	130.887.250.000	10.714.554.951
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	2.589.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.531.648.132	748.537.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	647.492.581	-
Khác	595.043.574	-
	172.438.939.426	50.111.768.347

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí vật liệu quản lý	7.882.946.270	4.144.148.725
Chi phí nhân viên	86.751.831.086	62.347.689.719
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.394.110.352	9.184.379.271
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.835.681.605	1.503.123.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.938.322.281	32.452.320.249
Chi phí bằng tiền khác	36.125.558.670	30.222.930.851
	184.928.450.264	139.854.591.880

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí vật liệu quản lý	93.519.660	45.771.400
Chi phí nhân viên quản lý	25.053.051.256	27.128.413.798
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.692.484.164	2.595.870.144
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.021.882.637	2.510.344.746
Thuế, phí và lệ phí	169.000.000	159.844.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.100.935.266	2.056.318.891
Chi phí bằng tiền khác	13.933.424.694	13.434.910.883
	49.064.297.677	47.931.474.815

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	30.582.395.611	32.490.433.141
	30.582.395.611	32.490.433.141
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(475.332.042)	349.809.790
	(475.332.042)	349.809.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>33.596.316.949</u>	<u>12.631.761.029</u>

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Đến 1 năm	35.348.807.392	12.631.761.029
Từ 1 đến 5 năm	90.750.344.233	30.708.159.280
Trên 5 năm	67.265.958.000	3.271.432.000
	<u>193.365.109.625</u>	<u>46.611.352.309</u>

Thuê hoạt động chủ yếu là chi phí thuê mặt bằng liên quan đến 176 cửa hàng đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam của Công ty.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	1.632.603.788.072	1.268.815.128.041
Trừ: Tiền	(23.881.697.936)	(35.139.719.411)
Nợ thuần	1.608.722.090.136	1.233.675.408.630
Vốn chủ sở hữu	1.248.705.870.380	1.266.710.670.484
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,29</u>	<u>0,97</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	23.881.697.936	35.139.719.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.242.257.847	59.197.176.996
Các khoản đầu tư tài chính	319.455.625.000	450.342.875.000
Các khoản ký quỹ	19.269.648.454	13.014.032.750
Tổng	416.849.229.237	557.693.804.157
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.632.603.788.072	1.268.815.128.041
Phải trả người bán và phải trả khác	151.549.643.123	178.104.258.251
Chi phí phải trả	9.850.132.638	4.188.467.510
Tổng	1.794.003.563.833	1.451.107.853.802

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	14.428.631.098	10.281.528.188	201.988.200.787	124.890.783.407
Đô la Úc (AUD)	17.598.808	543.430.896	543.153.309	543.153.309
Đô la Hồng Kong (HKD)	-	2.825.400	-	-
Euro (EUR)	9.549.679.822	1.200.157.800	2.274.909.518	34.954.365.219
Đô la Sing (SGD)	2.900.352	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 5%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ và Euro tăng/giảm 5% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 9.014.239.969 đồng (năm 2014: 7.418.173.132 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 3.783.379.375 đồng (năm 2014: 2.742.580.000 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

<u>30/6/2015</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	23.881.697.936	-	23.881.697.936
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.242.257.847	-	54.242.257.847
Các khoản đầu tư tài chính	-	319.455.625.000	319.455.625.000
Các khoản ký quỹ	-	19.269.648.454	19.269.648.454
	78.123.955.783	338.725.273.454	416.849.229.237
Các khoản vay	1.444.061.288.072	188.542.500.000	1.632.603.788.072
Phải trả người bán và phải trả khác	148.254.614.023	3.295.029.100	151.549.643.123
Chi phí phải trả	9.850.132.638	-	9.850.132.638
	1.602.166.034.733	191.837.529.100	1.794.003.563.833
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.524.042.078.950)	146.887.744.354	(1.377.154.334.596)
<u>31/12/2014</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	35.139.719.411	-	35.139.719.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.197.176.996	-	59.197.176.996
Các khoản đầu tư tài chính	-	450.342.875.000	450.342.875.000
Các khoản ký quỹ	13.014.032.750	-	13.014.032.750
	107.350.929.157	450.342.875.000	557.693.804.157
Các khoản vay	1.131.686.128.041	137.129.000.000	1.268.815.128.041
Phải trả người bán và phải trả k	177.648.876.151	455.382.100	178.104.258.251
Chi phí phải trả	4.188.467.510	-	4.188.467.510
	1.313.523.471.702	137.584.382.100	1.451.107.853.802
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.206.172.542.545)	312.758.492.900	(893.414.049.645)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp vì Công ty có một lượng hàng tồn kho là vàng và nữ trang có giá trị lớn và tính thanh khoản cao. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á

Mối quan hệ

Bên liên quan
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 06 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	<u>11.293.747.075</u>	<u>572.499.629</u>
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	423.080.075	436.992.956
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	3.499.947.727	-
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	<u>748.735.003</u>	<u>1.478.374.997</u>
	<u>4.671.762.805</u>	<u>1.915.367.953</u>
Công bố trả cổ tức		
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	6.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	-	7.792.320.800
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	<u>4.000.000.000</u>	<u>3.800.000.000</u>
	<u>10.000.000.000</u>	<u>11.592.320.800</u>
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán:		
	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	<u>-</u>	<u>572.499.629</u>
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	<u>4.000.000.000</u>	<u>4.979.800.000</u>
Các khoản phải trả người bán		
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	<u>1.824.440.000</u>	<u>1.478.374.997</u>
Các khoản phải khác		
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	<u>8.030.000.000</u>	<u>15.030.000.000</u>
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	<u>107.101.022</u>	<u>15.030.000.000</u>
Vay		
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	<u>3.000.000.000</u>	<u>-</u>
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:		
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>3.761.985.000</u>	<u>4.222.800.000</u>

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ bao gồm 3.751.936.495 đồng, là số tiền lãi vay phát sinh trong năm 2014 và không bao gồm 5.076.345.113 đồng là số chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/(giảm) các khoản phải trả.

3-00
 ANH
 TY
 HỮU
 TTI
 NAM
 HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cổ tức đã trả trong kỳ bao gồm 18.824.540 đồng, là số cổ tức phát sinh năm 2014 và không bao gồm 79.462.545.055 đồng là khoản cổ tức phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/(giảm) các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định trong kỳ bao gồm 5.089.164.870 đồng, là khoản mua tài sản cố định phát sinh năm 2014 và không bao gồm 12.110.842.784 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/(giảm) các khoản phải trả.

Tiền lãi từ hoạt động đầu tư không bao gồm 4.000.000.000 đồng cổ tức từ Công ty con nhưng chưa thanh toán và số tiền 6.000.000.000 đồng cổ tức từ Công ty con là số tiền Công ty thực hiện cần trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tương ứng lần lượt được điều chỉnh giảm/(tăng) các khoản phải thu và tăng/(giảm) các khoản phải trả.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo tại 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại 31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.699.788.965.640	(13.014.032.750)	1.679.022.714.231
I. Tiền và các khoản tương đương	110	234.599.264.879	(234.599.264.879)	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	234.599.264.879	(234.599.264.879)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	22.781.778.617	644.633.055	23.426.411.672
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	22.781.778.617	(256.815.230)	22.524.963.387
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	901.448.285	901.448.285
IV. Hàng tồn kho	140	1.428.749.256.339	234.599.264.879	1.655.596.302.559
1. Hàng tồn kho	141	1.420.997.037.680	234.599.264.879	1.655.596.302.559
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	13.658.665.805	(13.658.665.805)	-
4. Tài sản ngắn hạn khác (*)	155	13.658.665.805	(13.658.665.805)	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	-	13.014.032.750	13.014.032.750
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	13.014.032.750	13.014.032.750
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	13.014.032.750	13.014.032.750
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.268.815.128.041	-	1.268.815.128.041
I. Nợ ngắn hạn	310	1.131.686.128.041	-	1.131.686.128.041
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	311	1.131.686.128.041	(1.131.686.128.041)	-
7. Vay ngắn hạn	320	-	1.131.686.128.041	1.131.686.128.041
II. Nợ dài hạn	330	137.129.000.000	-	137.129.000.000
1. Vay và nợ dài hạn (*)	337	137.129.000.000	(137.129.000.000)	-
2. Vay dài hạn	338	-	137.129.000.000	137.129.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	232.805.050.783	-	232.805.050.783
I. Vốn chủ sở hữu	410	232.805.050.783	-	232.805.050.783
3. Quỹ dự phòng tài chính (*)	415	66.734.153.783	(66.734.153.783)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	166.070.897.000	66.734.153.783	232.805.050.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

(*) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo mã số khác với mã số trình bày cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo tại	Phân loại lại theo	Số sau phân loại
		31/12/2014	Thông tư 200	lại tại 31/12/2014
L LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
- Tăng các khoản phải thu	09	(100.467.308)	(1.102.420.461)	(1.202.887.769)
- Tăng hàng tồn kho	10	(226.782.162.820)	58.225.173.341	(168.556.989.479)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.001.299.692)	1.102.420.461	(12.898.879.231)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(135.613.832.318)</i>	<i>58.225.173.341</i>	<i>(77.388.658.977)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(53.850.101.571)	58.225.173.341	4.375.071.770
Tiền đầu kỳ	60	292.923.008.187	(254.806.552.933)	38.116.455.254
Tiền cuối kỳ	70	<u>239.072.906.616</u>	<u>(196.581.379.592)</u>	<u>42.491.527.024</u>



Nguyễn Thành Đạt
Người lập biểu



Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 8 năm 2015